

Số: 827/UBND-NV

Nam Đông, ngày 09 tháng 11 năm 2018

V/v hướng dẫn tổ chức thực hiện
Nghị định số 113/2018/NĐ-CP

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của liên bộ Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP;

Thực hiện Công văn số 8241/UBND-NV ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện Nghị định số 113/2018/NĐ-CP;

Để công tác tinh giản biên chế triển khai theo đúng quy định của Nhà nước, Ủy ban nhân dân huyện hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các nội dung như sau:

I. CÁC TRƯỜNG HỢP TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

1. Cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và cán bộ, công chức cấp xã hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức) thuộc đối tượng tinh giản biên chế nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự;

b) Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác;

c) Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hoá về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

d) Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên bị hạn chế về năng lực hoàn thành công việc được giao nhưng không thể bố trí việc làm khác hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

đ) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức được phân loại, đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực hoặc có 01 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

e) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

g) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế mà trong từng năm đều có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1, Điều 26, Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm Xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành của pháp luật hoặc trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1, Điều 26, Luật Bảo hiểm xã hội, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

h) Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ do sắp xếp tổ chức bộ máy theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

2. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ) dôi dư do sắp xếp lại tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự.

3. Viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn tại các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự dôi dư do sắp xếp lại tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự.

4. Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, kiểm soát viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu dôi dư do thực hiện cổ phần hóa, giao, bán, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, phá sản hoặc chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc

chuyển thành đơn vị sự nghiệp công lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của các nông, lâm trường quốc doanh dôi dư do sắp xếp lại theo quy định của Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển nông trường quốc doanh, Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh.

5. Những người là cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia quản lý hoặc đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước mà dôi dư do cơ cấu lại doanh nghiệp đó.

6. Những người làm việc trong biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho các hội thuộc danh sách dôi dư do sắp xếp lại tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

7. Những người đã là cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền điều động sang công tác tại các hội được giao biên chế và ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để trả lương nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm đ, e, g khoản 1, Điều 6, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

II. TRÌNH TỰ, THỜI HẠN GIẢI QUYẾT TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ

1. Thời điểm nghỉ hưu trước tuổi

Thời điểm được dùng làm căn cứ để tính đủ tuổi đời hưởng chế độ, chính sách nghỉ hưu trước tuổi là ngày 01 tháng sau liền kề với tháng sinh của đối tượng; trường hợp trong hồ sơ của đối tượng không ghi rõ ngày, tháng sinh trong năm thì lấy ngày 01/01 của năm sau liền kề với năm sinh của đối tượng.

Thời gian để tính trợ cấp là thời gian làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước và các Hội được tính hưởng bảo hiểm xã hội và đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (theo sổ bảo hiểm xã hội của mỗi người) nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ. Nếu thời gian tính trợ cấp có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc dưới 03 tháng thì không tính; từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng tính là 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

2. Thời hạn các cơ quan, đơn vị gửi danh sách

Để thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh khi giải quyết các khoản trợ cấp và chế độ chính sách theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân huyện thống nhất thời điểm thực hiện như sau:

Gửi danh sách đối tượng tình giản biên chế và dự toán kinh phí thực hiện tình giản biên chế được thực hiện theo chế độ định kỳ 2 đợt/năm:

a) Đợt 1 (6 tháng đầu năm): Chậm nhất ngày 01 tháng 4 hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ tình giản biên chế về Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Nội vụ huyện) kiểm tra, đề nghị cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt để thực hiện việc chi trả các chế độ chính sách cho đối tượng tình giản biên chế;

b) Đợt 2 (6 tháng cuối năm): Chậm nhất ngày 01 tháng 10 hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ tinh giản biên chế về Ủy ban nhân dân huyện (qua Phòng Nội vụ huyện) kiểm tra, đề nghị cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt để thực hiện việc chi trả các chế độ chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ CÁ NHÂN KHI THỰC HIỆN TINH GIẢN BIÊN CHẾ KHÔNG ĐÚNG ĐỐI TƯỢNG

1. Đối với cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp

a) Thông báo cho cơ quan Bảo hiểm Xã hội dừng thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội cho người thực hiện tinh giản biên chế không đúng quy định;

b) Chuyển cho cơ quan Bảo hiểm Xã hội số kinh phí đã chi trả cho người thực hiện tinh giản biên chế trong thời gian hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế);

c) Thanh toán cho các tổ chức liên quan các chế độ cán bộ, công chức, viên chức được hưởng theo quy định;

d) Thu hồi tiền hưởng chế độ tinh giản biên chế đã cấp cho cán bộ, công chức, viên chức, nộp ngân sách kinh phí thực hiện tinh giản biên chế;

đ) Thu hồi các quyết định tinh giản biên chế và bố trí cho những người không thuộc đối tượng tinh giản biên chế trở lại làm việc;

e) Chi trả cho người thực hiện tinh giản biên chế số tiền chênh lệch giữa chế độ người đó được hưởng theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức với chế độ người đó đã hưởng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Đối với cá nhân người đã hưởng chính sách tinh giản biên chế

a) Chịu trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền đã thực nhận sau khi thực hiện chính sách, chế độ tinh giản biên chế theo quy định;

b) Nếu người đó đã mất thì không phải hoàn trả, số tiền này sẽ do đơn vị sử dụng kinh phí thường xuyên để thanh toán, ngân sách nhà nước không bổ sung kinh phí.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn nghiên cứu và tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Phụng